

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TẢI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST**

STT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Số BBKK	Diện tích đất thu hồi (m2)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2422/QĐ- UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ- UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh (Đồng)					Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Tổng số tiền sử dụng đất còn lại phải nộp (Đồng)			Ghi chú	
							Đất	Vật kiến trúc	Cây cối hoa màu	Chính sách hỗ trợ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung	Theo Quyết định duyệt	Số tiền sử dụng đất còn lại điều chỉnh		Số tiền sử dụng đất còn lại phải nộp sau điều chỉnh
										Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ đất nông nghiệp						
1	Bà Nguyễn Thị Bờ (Số CCCD: 031140004052) - đại diện thừa kế của ông Đặng Văn Kỳ (đã chết)	Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải	401, 401a, 401b	241,5	2.240.620.000	0	0	112.275.000	0	0	0	112.275.000	2.352.895.000	325.036.000	0	325.036.000	
2	Ông Bùi Trắc Hăng (Số CCCD: 031073002667)	Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải	462, 462a, 462b	1045,4	3.743.602.000	0	0	35.468.000	0	0	0	35.468.000	3.779.070.000	448.768.000	0	448.768.000	
3	Ông Bùi Trắc Bảo (Số CCCD:031081008135) vợ là bà Đào Thị Hăng	Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải	97, 97a	146,0	0	1.029.739.000	0	0	0	0	0	0	1.029.739.000	80.210.000	22.320.000	102.530.000	
4	Ông Bùi Trắc Đo (Số CCCD: 031057015883) vợ là bà Nguyễn Thị Lành (Số CCCD: 03157011897)	Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải	421, 421a	226,8	0	1.496.049.000	0	235.257.000	0	0	0	235.257.000	1.731.306.000	208.955.000	0	208.955.000	
5	Ông Đặng Văn Tuấn (Số CCCD: 031086006142) - đại diện thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hăng (đã chết)	Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải	402, 402a	176,2	0	1.633.903.000	0	163.236.000	0	0	0	163.236.000	1.797.139.000	175.228.000	33.480.000	208.708.000	
6	Ông Nguyễn Văn Thủy (Số CCCD: 031067012460) vợ là bà Bùi Thị Quát (Số CCCD: 031170013379)	Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải	451, 451a	175,3	0	1.419.288.000	0	86.261.000	0	0	0	86.261.000	1.505.549.000	176.613.000	33.480.000	210.093.000	
	Tổng cộng			2.011,2	5.984.222.000	5.578.979.000	0	632.497.000	0	0	0	632.497.000	12.195.698.000	1.414.810.000	89.280.000	1.504.090.000	

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST**

Họ và tên và số
định danh: Bà Nguyễn Thị Bờ (Số CCCD: 031140004052) - đại diện thừa kế của ông Đặng Văn Kỳ (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải

Số BB: 401, 401a, 401b

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)
A	PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ											
I	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi:	330.614.000		m2	241,5				0	330.614.000	
II	Vật kiến trúc		1.907.570.000							112.275.000	2.019.845.000	
1	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà ở 2 sau nhà 1	Móng gạch chi, tường gạch chi 110 mái tôn kim loại sườn sắt có vì kèo, cao 2,7 m S=4,3*4,3+4,0*4,1	63.370.358							-63.370.358		Điều chỉnh mã hiệu định mức thành Nhà ở
		Trừ diện tích mái tôn xi măng	-8.780.731							8.780.731		
		Cộng diện tích mái tôn kim loại	13.239.953							-13.239.953		
		Cộng khối xây chênh cao không theo chuẩn cao 2,5m V=(2,7-2,5)*(4,19+4,19+3,89+3,99)*2*0,11	1.521.536							-1.521.536		
		Cộng trát trong	685.255							-685.255		
		Cộng trát ngoài	917.708							-917.708		
	Nhà ở 2 sau nhà 1	Móng gạch chi, tường gạch chi 110 mái tôn kim loại sườn sắt có vì kèo, cao 2,7 m S=4,3*4,3+4,0*4,1		VKT.10522	m2 sàn XD	34,89	5.516.385	1,00	100%	192.466.673		
		Trừ khối xây chênh cao không theo chuẩn cao 3,5m V=-(4,19+4,19+3,89+3,99)*2*0,8*0,11		VKT.20008	m3	-2,86	2.126.713	1,00	100%	-6.086.142		
		Trừ trát trong		VKT.20078	m2	-26,02	105.359	1,00	100%	-2.741.020		
		Trừ trát ngoài		VKT.20077	m2	-26,02	141.099	1,00	100%	-3.670.832		
		BBKK bổ sung số 401b/BB-BQLDA ngày 07/5/2026										
		Khung sắt hộp lưới B40 2x2 dày 1,4li: L=6,0*15 cây		VKT.20215	kg	72,45	45.000	1,00	100%	3.260.250		
III	Cây cối hoa màu		2.436.000							0	2.436.000	
		Tổng cộng = (I+II+III)	2.240.620.000							112.275.000	2.352.895.000	
B	PHƯƠNG ÁN BỎ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
C	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỢP		1.910.006.000							0	1.910.006.000	
D	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỢP THEO QUY ĐỊNH		325.036.000							0	325.036.000	

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST**

Họ và tên và số định danh: Ông Bùi Trắc Hăng (Số CCCD: 031073002667)

Địa chỉ: Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải

Số BB: 462, 462a, 462b

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)
A	PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ											
I	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi:	667.232.000		m2	1.045,4				0	667.232.000	
II	Vật kiến trúc		3.027.930.000							35.468.000	3.063.398.000	
1	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc											
		BBKK bổ sung số 462b/BB-BQLDA ngày 02/4/2026										
	Nhà chính	Cột cái: V=4,0*0,15*0,15*3 cái		GTT	m3	0,27	50.333.000	1,00	100%	13.589.910		
	Nhà 3	Tường ốp tấm Alumilium, có khung xương: S=(5,75+4,75)*2*2,4-1,5*1,0*3-1,1*2,4		VKT.20075	m2	43,26	505.745	1,00	100%	21.878.529		
	Bê phốt	Xây chìm xây gạch chi 10, nắp BTCT: V=2,0*1,5*1,5*2 cái										Xác minh sau phá dỡ
III	Cây cối hoa màu		34.760.000							0	34.760.000	
IV	Chính sách hỗ trợ		13.680.000							0	13.680.000	
		Tổng cộng = (I+II+III+IV)	3.743.602.000							35.468.000	3.779.070.000	
B	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
C	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP		3.057.148.000							0	3.057.148.000	
D	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH		448.768.000							0	448.768.000	

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST**

Họ và tên và số định danh: Ông Bùi Trắc Bảo (Số CCCD:031081008135) vợ là bà Đào Thị Hằng

Địa chỉ: Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải

Số BB: 97, 97a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)
A	PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ											
I	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi:	142.990.000		m2	146,0				0	142.990.000	
II	Vật kiến trúc		857.859.000							0	857.859.000	
III	Chính sách hỗ trợ		28.890.000							0	28.890.000	
		Tổng cộng = (I+II+III)	1.029.739.000							0	1.029.739.000	
B	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
	Theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí tái định cư bổ sung								
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải, đặc khu Cát Hải											
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 303/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Cát Hải (nay là UBND đặc khu Cát Hải)											
	- Ông Bùi Trắc Bảo vợ là bà Bùi Thị Hằng là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở, phải di chuyển chỗ ở											
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Bùi Trắc Bảo vợ là bà Bùi Thị Hằng được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Bùi Trắc Bảo vợ là bà Đào Thị Hằng được giao lô N2-10.16, lô N2-10								
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Bùi Trắc Bảo vợ là bà Bùi Thị Hằng được giao diện tích là 80,0m2			- Ông Bùi Trắc Bảo vợ là bà Đào Thị Hằng được giao diện tích 88,0m2								
5	Giá đất thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư: Theo giá đất quy định tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 2.790.000 đ/m2.											
C	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP		886.749.000							0	886.749.000	
	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất)		223.200.000							22.320.000	245.520.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)
	Tiền sử dụng đất hộ gia đình ông Bùi Trắc Bảo vợ là bà Bùi Thị Hằng phải nộp là:		223.200.000		m2	80,0	2.790.000	1,00	100%	-223.200.000	0	Điều chỉnh diện tích giao đất TĐC
						88,0		1,00	100%	245.520.000	245.520.000	
D	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH		80.210.000							22.320.000	102.530.000	

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST**

Họ và tên và số định danh: Ông Bùi Trắc Đo (Số CCCD: 031057015883) vợ là bà Nguyễn Thị Lành (Số CCCD: 03157011897)

Địa chỉ: Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải Số BB: 421, 421a

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)
A	PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ											
I	Đất	Tổng diện tích đất thu hồi:	349.045.000		m2	226,8				0	349.045.000	
II	Vật kiến trúc		1.147.004.000							235.257.000	1.382.261.000	
1	Bồi thường tài sản, vật kiến trúc											
	Nhà bếp	Móng gạch chi, tường gạch chi 110 mái tôn xi măng sườn gỗ cao 2,3m S=1,7*3,0	9.263.079									
	Ôp ngoài nhà bếp +nhà 2	Gạch LD 30x60: S=(2,7+2,8)*2,3-0,6*1,8*2		VKT.20069	m2	10,49	320.620	1,0	100%	3.363.304		BB rà soát
	Tường bao	Xây gạch chi 110 có bổ trụ, có trát: S=2,4*1,1 L=2,4 H=1,1 tương đương 55%		HD.30039	m	1,32	1.312.000	1,0	100%	1.731.840		BB rà soát
		Trừ mảnh chai		HD.30061	m	-2,40	25.000	1,0	100%	-60.000		
	Hố ga	Xây gạch chi 110 nắp BTCT, Xây chìm: V=1,1*1,2*1,5		VKT.20132	m3	1,98	2.984.491	1,0	100%	5.909.292		BB rà soát
	Ôp móng nhà bếp và khu phụ	Gạch LD 30x60: S=4,8*0,5		VKT.20069	m2	2,40	320.620	1,0	100%	769.488		BB rà soát
	Nhà	Móng gạch chi, giằng BTCT tường gạch chi 220 mái tôn kim loại lạnh sườn sắt cao 3,5m S=6,7*5,0	199.900.497									
	Bể phốt	Xây gạch chi 110, xây chìm nắp BTCT: V=1,4*1,5*1,1*2		VKT.20132	m3	4,62	2.984.491	1,0	100%	13.788.348		BB rà soát
	Nhà ở	Móng gạch papanh tường gạch papanh mái ngói đỏ sườn gỗ có vì kèo cao 2,5m S=7,3*4,8	71.341.055							-71.341.055		Điều chỉnh mã hiệu định mức thành Nhà ở
				VKT.10541	m2 sàn XD	35,04	5.914.733	1,0	100%	207.252.244		
		Trừ phần tường chênh lệch so với tiêu chuẩn 3,5m: V=- (7,3+4,36)*2*1,0*0,22		VKT.20010	m3	-5,13	1.081.965	1,0	100%	-5.550.913		
		Trừ trát trong		VKT.20078	m2	-23,32	105.359	1,0	100%	-2.456.972		
		Trừ trát ngoài		VKT.20077	m2	-23,32	141.099	1,0	100%	-3.290.429		
	Vi kèo	Cột gỗ lim: V=2,3*0,13*0,14*4		GTT	m3	0,17	52.000.000	1,0	100%	8.706.880		BB rà soát
		Cột gạch chi V=0,25*0,25*2,3*2		VKT.20009	m3	0,29	1.919.493	1,0	100%	551.854		
	Đầu trụ BT	V=0,3*0,3*0,1*2	83.116									
		Ôp tấm Aluminium S=1,0*2,3*2		VKT.20076	m2	4,60	462.765	1,0	100%	2.128.719		
		Xà vượt gỗ lim V=3,7*0,2*0,15*2		GTT	m3	0,22	52.000.000	1,0	100%	11.544.000		
		Đầu bát gỗ lim V=0,3*0,2*0,1*2		GTT	m3	0,01	52.000.000	1,0	100%	624.000		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
	Nghé bảy	Gỗ lim V=1,0*0,35*0,1*4		GTT	m3	0,14	52.000.000	1,0	100%	7.280.000		BB rà soát
		Cột chôn gỗ lim D15 L=0,9*4 *0,15*0,15		GTT	m3	0,08	52.000.000	1,0	100%	4.212.000		
		Xà trên gỗ lim V=1,7*0,15*0,2*2		GTT	m3	0,10	52.000.000	1,0	100%	5.304.000		
		Kèo gỗ lim V=2,2*0,2*0,1*4		GTT	m3	0,18	52.000.000	1,0	100%	9.152.000		
		Xà thương+hạ gỗ lim V=7,1*0,2*0,1*4		GTT	m3	0,57	52.000.000	1,0	100%	29.536.000		
		BBKK bổ sung số 421a/BB-BQLDA ngày 02/4/2026										
		Vi ruồi tôn KL sườn sắt: S=6,2*1,5*2 bên		VKT.20110	m2	9,30	321.701	1,0	100%	2.991.819		
		Tổng cộng = (I+II)	1.496.049.000							235.257.000	1.731.306.000	
B	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
	Theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải											
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải, đặc khu Cát Hải											
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 303/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Cát Hải (nay là UBND đặc khu Cát Hải)											
	- Ông Bùi Trắc Đo vợ là bà Nguyễn Thị Lành là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở, phải di chuyển chỗ ở											
	- Ông Bùi Văn Đức vợ là bà Đỗ Thị Tuyền là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở, phải di chuyển chỗ ở											
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Bùi Trắc Đo vợ là bà Nguyễn Thị Lành được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Bùi Trắc Đo vợ là bà Nguyễn Thị Lành được giao lô N1-42.31, lô N1-42								
	- Ông Bùi Văn Đức vợ là bà Đỗ Thị Tuyền được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Bùi Văn Đức vợ là bà Đỗ Thị Tuyền được giao lô N1-42.32, lô N1-42								
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Bùi Trắc Đo vợ là bà Nguyễn Thị Lành được giao diện tích là 100,0m2			- Ông Bùi Trắc Đo vợ là bà Nguyễn Thị Lành được giao diện tích 100,0m2								
	- Ông Bùi Văn Đức vợ là bà Đỗ Thị Tuyền được giao diện tích là 100,0m2			- Ông Bùi Văn Đức vợ là bà Đỗ Thị Tuyền được giao diện tích 100,0m2								
5	Giá đất thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư: Theo giá đất quy định tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 2.790.000 đ/m2.											
C	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP		1.147.004.000							0	1.147.004.000	
D	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH		208.955.000							0	208.955.000	

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ HỢP SẢN XUẤT Ô TÔ VINFAST

**Họ và tên và số
định danh:**

Ông Đặng Văn Tuấn (Số CCCD: 031086006142) - đại diện thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hằng (đã chết)

Địa chỉ: Thôn Văn Chấn, đặc khu Cát Hải

Số BB: 402, 402a

[illegible]

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)
	Theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải			Phương án bố trí tái định cư bổ sung								
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải, đặc khu Cát Hải											
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 303/TB-UBND ngày 28/4/2025 của UBND huyện Cát Hải (nay là UBND đặc khu Cát Hải)											
	- Ông Đặng Văn Tuấn - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hằng (đã chết) là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở, không phải di chuyển chỗ ở											
	- Ông Đặng Văn Sơn vợ là bà Lê Thị Thanh Thor là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở, phải di chuyển chỗ ở											
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Đặng Văn Tuấn - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hằng (đã chết) được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Đặng Văn Tuấn - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hằng (đã chết) được giao lô N1-42.08, lô N1-42								
	- Ông Đặng Văn Sơn vợ là bà Lê Thị Thanh Thor được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Đặng Văn Sơn vợ là bà Lê Thị Thanh Thor được giao lô N1-42.35, lô N1-42								
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Đặng Văn Tuấn - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hằng (đã chết) được giao diện tích 80,0m2			- Ông Đặng Văn Tuấn - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hằng (đã chết) được giao diện tích 72,0m2								
	- Ông Đặng Văn Sơn vợ là bà Lê Thị Thanh Thor được giao diện tích 80,0m2			- Ông Đặng Văn Sơn vợ là bà Lê Thị Thanh Thor được giao diện tích 100,0m2								
5	Giá đất thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư: Theo giá đất quy định tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 2.790.000 đ/m2.											
C	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP		1.371.731.000					0	1.371.731.000			
	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất)		446.400.000						33.480.000	479.880.000		
	Tiền sử dụng đất hộ gia đình ông Đặng Văn Tuấn - đại diện những người được hưởng thừa kế của ông Đặng Văn Xây và bà Bùi Thị Hằng (đã chết) phải nộp là:		223.200.000		m2	80,0	2.790.000	1,00	100%	-223.200.000	0	Điều chỉnh diện tích giao đất TĐC
						72,0		1,00	100%	200.880.000		

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
	Tiền sử dụng đất hộ gia đình ông Đặng Văn Sơn vợ là bà Lê Thị Thanh Thor phải nộp là:		223.200.000		m2	80,0	2.790.000	1,00	100%	-223.200.000	0	Điều chỉnh diện tích giao đất TĐC
						100,0		1,00	100%	279.000.000	279.000.000	
D	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH		175.228.000							33.480.000	208.708.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh							Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ	Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)		
	Tường bao	Xây gạch chỉ 110 có bở trụ, có trát: S=20,5*1,6 H=1,6 tương đương 80%		HD.30039	m	16,40	1.312.000	1,00	100%	21.516.800		BB rà soát
		Trừ mảnh chai: L=-20,5		HD.30061	m	-20,50	25.000	1,00	100%	-512.500		
		BBKK bổ sung số 451a/BB-BQLDA ngày 02/4/2026										
		Khung xương lưới B40 sắt hộp 2,4 dày 1,4li: L=21,0*3+2,0*25		VKT.20215	kg	140,69	45.000	1,00	100%	6.330.825		
		Bê phốt xây gạch chỉ 110, nắp BTCT xây chìm dưới nhà vệ sinh: V=2,0*2,0*1,5		VKT.20132	m3	6,00	2.984.491	1,00	100%	17.906.946		
III	Cây cối hoa màu		4.170.000							0	4.170.000	
		Tổng cộng = (I+II+III)	1.419.288.000							86.261.000	1.505.549.000	
B	PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ											
	Theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND đặc khu Cát Hải											
1	Địa điểm khu đất bố trí tái định cư: Khu tái định cư đảo Cát Hải, đặc khu Cát Hải											
2	Đối tượng: Căn cứ Thông báo số 303/TB-UBND ngày 26/3/2025 của UBND huyện Cát Hải (nay là UBND đặc khu Cát Hải)											
	- Ông Nguyễn Văn Thủy vợ là bà Bùi Thị Quát là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở, phải di chuyển chỗ ở											
	- Ông Nguyễn Văn Hùng vợ là bà Cà Thị Thom là hộ đủ điều kiện bồi thường bằng giao đất ở, phải di chuyển chỗ ở											
3	Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Vị trí thửa đất: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Nguyễn Văn Thủy vợ là bà Bùi Thị Quát được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Nguyễn Văn Thủy vợ là bà Bùi Thị Quát được giao lô N1-9'.12, lô N1-9'								
	- Ông Nguyễn Văn Hùng vợ là bà Cà Thị Thom được giao 01 lô tại Khu tái định cư đảo Cát Hải			- Ông Nguyễn Văn Hùng vợ là bà Cà Thị Thom được giao lô N1-42.01, lô N1-42								
4	Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải			Diện tích đất được giao: Căn cứ Quy hoạch Khu tái định cư đảo Cát Hải và kết quả bốc phiếu xác định thửa đất ngày 31/3/2026								
	- Ông Nguyễn Văn Thủy vợ là bà Bùi Thị Quát được giao diện tích 80,0m2			- Ông Nguyễn Văn Thủy vợ là bà Bùi Thị Quát được giao diện tích 100,0m2								
	- Ông Nguyễn Văn Hùng vợ là bà Cà Thị Thom được giao diện tích 80,0m2			- Ông Nguyễn Văn Hùng vợ là bà Cà Thị Thom được giao diện tích 72,0m2								
5	Giá đất thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư: Theo giá đất quy định tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 2.790.000 đ/m2.											
C	TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN SAU KHI ĐÃ TRỪ ĐI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP		1.149.501.000							0	1.149.501.000	
	Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp =Diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất * Giá đất tính tiền sử dụng đất (Hệ số theo quy định tại thời điểm có Quyết định giao đất)		446.400.000							33.480.000	479.880.000	

Số TT	Tên tài sản	Hạng mục, quy cách	Giá trị duyệt tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 (Đồng)	Phương án điều chỉnh						Tổng giá trị sau điều chỉnh, bổ sung (Đồng)	Ghi chú	
				Mã hiệu định mức	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số	Tỷ lệ			Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung (Đồng)
	Tiền sử dụng đất hộ gia đình ông Nguyễn Văn Thủy vợ là bà Bùi Thị Quát phải nộp là:		223.200.000		m2	80,0	2.790.000	1,00	100%	-223.200.000	0	Điều chỉnh diện tích giao đất TĐC
						100,0		1,00	100%	279.000.000	279.000.000	
	Tiền sử dụng đất hộ gia đình ông Nguyễn Văn Hùng vợ là bà Cà Thị Thơm phải nộp là:		223.200.000		m2	80,0	2.790.000	1,00	100%	-223.200.000	0	Điều chỉnh diện tích giao đất TĐC
						72,0		1,00	100%	200.880.000	200.880.000	
D	SỐ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH CÒN PHẢI NỘP THEO QUY ĐỊNH		176.613.000							33.480.000	210.093.000	